

Số: 668 /BC-ĐHGTVT
V/v Tình hình việc làm của sinh viên
đã tốt nghiệp

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Bộ Giáo dục & Đào tạo

Công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp đã được trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) triển khai thường xuyên nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp để có biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo cho phù hợp; đồng thời hình thành hệ thống thu thập thông tin phản hồi của người học, cựu sinh viên.

Căn cứ công văn số 3973/BGDĐT-GDDH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, trường ĐH GTVT báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác khảo sát và kết quả khảo sát như sau:

Công tác triển khai khảo sát:

Năm 2016, trường ĐH GTVT đã ban hành quy định về việc khảo sát việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp (Ban hành kèm theo quyết định số 153B/QĐ-ĐHGTVT ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng trường ĐH GTVT) và từ đó tiến hành khảo sát đều đặn theo chu kỳ thường niên. Năm 2018, Nhà trường cải tiến quy trình khảo sát bằng việc xây dựng hệ thống khảo sát online, phiếu khảo sát online đặt tại website cựu sinh viên <http://alumni.utc.edu.vn>. Hình thức khảo sát online thực sự mang lại hiệu quả, nhanh chóng, chính xác, thuận tiện nên nhận được sự hưởng ứng và ủng hộ của cựu sinh viên, giảng viên trong Nhà trường.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, trường ĐH GTVT đã ra Thông báo số 972/TB-ĐHGTVT về việc khảo sát việc làm sinh viên sau tốt nghiệp năm 2019-2020, đối tượng khảo sát là các sinh viên tốt nghiệp tại trường ĐH GTVT đợt Tháng 01/2019 và Tháng 06/2019 (bao gồm cả số sinh viên tốt nghiệp chậm, bảo lưu từ những khóa trước).



Kết quả khảo sát:

Khóa 55 của các ngành học 4,5 năm và khóa 56 của các ngành học 4 năm có tổng số sinh viên tốt nghiệp là 2.289. Trong các sinh viên này Nhà trường đã tiến hành gửi thông tin khảo sát đến 1.652 sinh viên (đạt 72.17%) đảm bảo đại diện cho đầy đủ các ngành đào tạo, đảm bảo tính đại diện cho số sinh viên tốt nghiệp về vùng miền, giới tính, độ tuổi.

Số sinh viên phản hồi có việc làm là 1.575, số sinh viên chưa có việc làm là 77. Như vậy, số sinh viên có việc làm đạt 95,34% số sinh viên phản hồi, trong đó số sinh viên có việc làm đúng hoặc liên quan đến ngành nghề đào tạo chiếm 74,15%. Chi tiết kết quả phản hồi theo từng ngành trong phụ lục 1, 2, 3 đính kèm.

Căn cứ vào kết quả khảo sát việc làm của sinh viên, trường ĐH GTVT đã thực hiện việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành nghề đào tạo năm 2020. Đồng thời lên kế hoạch đổi mới nội dung chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo và tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ sinh viên có việc làm trong những năm tiếp theo.

Trong những năm tới, Nhà trường tiếp tục công tác khảo sát việc làm của sinh viên, trong đó tập trung đẩy mạnh và phát triển hệ thống khảo sát online, tăng cường mối liên hệ giữa Nhà trường, các đơn vị chức năng, các khoa chuyên môn và cố vấn học tập với cựu sinh viên.

Trên đây là báo cáo về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (có các phụ lục 1, 2, 3 kèm theo báo cáo này).

Kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH, CTCT&SV.



**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương

Mẫu số 1

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2019

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm							
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	52580202	Kỹ thuật xây dựng	145	8	145	8	101	41	2	1	0	100%	100%	19	123	0	2	
2	52580207 CTCQ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	653	28	273	21	90	92	61	12	18	93.41%	39.05%	22	193	9	19	
3	52520103 KTCKCQ	Kỹ thuật cơ khí	310	5	258	4	117	90	19	12	20	92.25%	76.77%	8	149	8	61	
4	120720	Kinh tế vận tải	81	54	72	51	17	36	12	7	0	100%	88.89%	5	51	4	5	
5	52520206	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	73	4	69	4	28	22	15	1	3	95.65%	90.41%	6	42	3	14	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
6	130120	Khai thác Vận tải	73	33	45	19	15	16	11	2	1	97.78%	60.27%	3	31	1	7	
7	7580205 MM	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông(MM)	47	20	47	20	21	19	5	0	2	95.74%	95.74%	2	40	1	2	
8	52580205 QT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	135	5	80	3	20	18	25	8	9	88.75%	52.59%	6	44	1	12	
9	111001	Quản trị kinh doanh	74	56	37	31	10	17	8	1	1	97.3%	48.65%	0	26	2	7	
10	52520207 CQ	Kỹ thuật điện tử truyền thông	107	32	96	32	17	40	30	3	6	93.75%	84.11%	2	66	2	17	
11	52520201	Kỹ thuật Điện - Điện tử	104	9	100	9	49	30	10	4	7	93%	89.42%	4	68	2	15	
12	52480201 CQ	Công nghệ thông tin	143	37	110	27	85	12	5	5	3	97.27%	74.83%	4	70	1	27	
13	7580301M	Kinh tế xây dựng (59,60)	108	79	108	79	28	41	19	17	3	97.22%	97.22%	18	64	3	3	
14	52580208 QT	Kỹ thuật xây dựng	4	1	4	1	0	0	1	3	0	100%	100%	0	1	0	0	
15	111810	Kế toán	112	104	101	94	57	40	3	0	1	99.01%	89.29%	4	91	2	3	
16	230510CQ	Công nghệ kỹ thuật giao thông	25	4	25	4	0	5	18	1	1	96%	96%	2	21	0	0	
17	52310101	Kinh tế	37	31	26	24	7	10	9	0	0	100%	70.27%	2	23	0	1	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
18	52340301 QT	Kế toán	12	11	11	10	7	1	2	0	1	90.91%	83.33%	1	8	0	1	
19	120820QT	Kinh tế xây dựng	23	10	22	10	10	6	4	2	0	100%	95.65%	4	14	1	1	
20	230410	Kỹ thuật môi trường	23	18	23	18	6	4	10	2	1	95.65%	95.65%	1	18	0	1	
TỔNG			2289	549	1652	469	685	540	269	81	77	95.34%	68.81%	113	1143	40	198	

Hà nội, ngày 31 tháng 12 năm 20
 K/THIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương

Chú ý:

(2) (3) Mã, tên ngành Ghi đúng quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017, không viết tắt, không thêm dấu chấm, dấu phẩy ở cuối.

Ví dụ: (2) 7210234 (3) Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình; mỗi ngành báo cáo tổng số cuối cùng trong một dòng, không báo cáo theo chuyên ngành (Các mã ngành CDSP ghi theo quy định tại thông tư 15/VBHN-BGDĐT ngày 08/05/2014 (văn bản hợp nhất), TCSP ghi theo quy định tại Thông tư 34/2011/TT-BGDĐT ngày 11/08/2011).

(4) (5) Ghi đủ số sinh viên tốt nghiệp của năm, bao gồm số sinh viên tốt nghiệp chậm, bảo lưu từ những khóa trước.

(13) (14) SV có việc làm = Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm + Số sinh viên tiếp tục học.